TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 23-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Khoa – Bí thư chi bộ khu phố Tân Ngọc, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Lê Đắc Ước – Chuyên viên phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 234/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐST - HS ngày 11 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trương Văn B, tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/6/2006 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1981 và bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1983; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 06/9/2023 đến ngày 09/9/2023 áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn Q, tên gọi khác: Không; sinh ngày 24/5/2007 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn M, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 06/9/2023 đến ngày 09/9/2023 áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Bị cáo tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trương Văn B: Bà Trương Thị Đ1, sinh năm 1977 (là cô ruột của bị cáo)

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn Q: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986 (là mẹ ruột của bị cáo).

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn B và Phạm Văn Q: Bà Lê Thị T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ G, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn E, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông Trương Văn T3, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn B và Phạm Văn Q là bạn bè với nhau. Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 23 giờ ngày 05/09/2023, B rủ Q đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, Q đồng ý rồi điều khiển xe mô tô BKS: 72K9- 9064 chở B ngồi phía sau đi trên đường H - T để tìm kiếm tài sản. Khi cả hai đi đến khu vực thuộc tổ G, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì thấy một căn nhà đang xây, bên trong nhà có ông Nguyễn Văn Đ2 và ông Nguyễn Thanh T1 đang ngồi nhậu nên Q và B đã bàn với nhau quay xe về, đợi lúc ông Đ2 và ông T1 ngủ sẽ quay lại trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 03 giờ ngày 06/09/2023 Q điều khiển xe mô tô chở B quay lại căn nhà trên, thấy ông Đ2 và ông T1 đang ngủ nên Q dừng xe ở bên ngoài đường cảnh giới, còn B đi vào bên trong nhà lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max của ông Đ2 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus của ông T1, rồi mang ra ngoài cùng Q chạy về phòng trọ tại thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Khi về đến phòng trọ, B nói với Q trộm cắp được hai chiếc điện thoại và B bấm dò mật khẩu thì mở khóa được chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax. Khoảng 09 giờ cùng ngày, cả hai mang chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax đi đến tiệm cầm đồ "Tiến Tâm" thuộc thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, gặp ông Nguyễn Hồng T2 cầm cố được số

tiền 3.000.000 đồng. Sau khi có tiền, B trả cho ông Trương Văn T3 tiền thuê phòng trọ 1.500.000 đồng. Số tiền còn lại, B cất giấu trong người.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 6/9/2023, B và Q đã đến Cơ quan Công an đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, đồng thời giao nộp chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus và số tiền 1.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 184/KL-HĐ.ĐGTS ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc UBND thị xã P, kết luận:

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max, dung lượng 256 GB, màu: vàng, mua năm 2019. Tại thời điểm ngày 06/09/2023 tài sản có giá trị là 11.000.000 đồng.

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus, dung lượng 32 GB, màu: đen, mua lại năm: 2022. Tại thời điểm ngày 06/09/2023 tài sản có giá trị là 3.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại 01 chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro Max cho ông Nguyễn Văn Đ2; trả lại 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 Plus cho ông Nguyễn Thanh T1; trả lại số tiền 3.000.000 đồng (Trong đó 1.500.000 đồng do ông Trương Văn T3 giao nộp và số tiền 1.500.000 đồng do Trương Văn B giao nộp) cho ông Nguyễn Hồng T2 theo Quyết định xử lý vật chứng số 84, 85/QĐ ngày 01/11/2023.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 72K9- 9064: qua xác minh, chiếc xe trên là tài sản của bà Nguyễn Thị N – là mẹ ruột của Phạm Văn Q. Bà N đưa xe cho Q sử dụng và không biết Q điều khiển xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã P đã trả lại chiếc xe trên cho bà N, theo Quyết định xử lý vật chứng số 85/QĐ ngày 01/11/2023.

Đối với 01 USB lưu trữ đoạn video ghi lại hành vi trộm cắp tài sản của Trương Văn B và Phạm Văn Q vào ngày 06/9/2023. Hiện lưu theo hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ2 và Nguyễn Thanh T4 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 08/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố Trương Văn B, Phạm Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Trên cơ sở việc hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng được diễn ra công khai, dân chủ và không bị hạn chế.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ thực hiện quyền công tố trình bày lời luận tội đã phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của các bị cáo gây ra; phân tích nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quyết định

truy tố. Đề nghị Hồi đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm o Khoản 1 Điều 52; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt Trương Văn B mức án từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17 của Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Văn Q mức án 05 (năm) tháng đến 07 (bảy) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Thanh T4 và ông Nguyễn Hồng T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Thị T đối với bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q:

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ truy tố Trương Văn B, Phạm Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau: Các bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, các bị cáo chưa đến tuổi trưởng thành nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, đối với bị cáo B bố mẹ ly hôn, bị cáo phải sống tự lập, không ai quan tâm chăm sóc, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tài sản bị chiếm đoạt đã được các bị cáo trả lại cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo được hưởng án treo cũng đủ giáo dục đối với các bị cáo.

Bị cáo B, Q thống nhất với quan điểm bào chữa của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đối đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư:

Viện kiểm sát giữ nguyên mức hình phạt đã đề nghị đối với các bị cáo, căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo thì trường hợp cho các bị cáo được hưởng án treo là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về bản luận tội của Kiểm sát viên;

Bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố; Cơ quan điều tra, điều tra viên, Viện kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi cũng như quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật truy tố:

Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với kết quả chỉ dẫn hiện trường, với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 03 giờ ngày 06/9/2023 tại tổ G, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trương Văn B, Phạm Văn Q đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max trị giá 11.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ2 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus trị giá 3.000.000 đồng của ông Nguyễn Thanh T1. Tổng giá trị tài sản B và Q đã chiếm đoạt của ông Đ2 và ông T1 là 14.000.000 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo B và Q rủ nhau trộm cắp tài sản nhưng không có sự bàn bạc, câu kết, phân công vai trò cụ thể và chặt chẽ. Do vậy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Để có cơ sở quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với Trương Văn B, bị cáo đã khởi xướng việc đi trộm cắp tài sản và rủ rê bị cáo Q tham gia, bị cáo đã trực tiếp lấy trộm tài sản. Do đó, trong vụ án này bị cáo có vai trò người khởi xướng.

Đối với bị cáo Phạm Văn Q khi được B rủ đi trộm cắp tài sản đã tích cực tham gia, Q đã chở B đi thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo tham gia trộm cắp với vai trò người giúp sức.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân:

[4.1].Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Tại bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ xác định bị cáo Trương Văn B đã có hành vi xúi dục người chưa thành niên phạm tội và đề xuất áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 3 Điều 416 Bộ luật tố tụng Hình sự quy định "Có hay không có người đủ 18 tuổi trở lên xúi dục" khi tiến hành tố tụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi. Như vậy trong trường hợp này bị cáo B tuy có hành vi xúi dục bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng thời điểm các

bị cáo thực hiện hành vi phạm tội B vẫn chưa đủ 18 tuổi, nhận thức về pháp luật chưa đầy đủ. Do đó không có căn cứ để áp dụng điểm o Khoản 1 Điều 52 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo B, Q đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt các bị cáo đã tự nguyện giao trả cho bị hại. Do đó cần áp dụng điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

[4.3]. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[5]. Về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương.

Đối với Trương Văn B đã khởi xướng và rủ rê bị cáo Q cùng tham gia trộm cắp tài sản, bị cáo đã trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, do đó cần áp dụng Điều 91, Điều 101 để xem xét mức hình phạt phù hợp đối với bị cáo. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng án treo có quy định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với Phạm Văn Q thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do B rủ rê. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó cần áp dụng Điều 91, Điều 100, Điều 36 Bộ luật Hình sự để xem xét mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Thanh T1 và ông Nguyễn Hồng T2 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7].Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8].Về án phí: Các bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản";

1. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trương Văn B 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án (ngày 23/01/2024).

Giao bị cáo Trương Văn B cho Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp Trương Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, nếu phạm tội mới thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 91; Điều 100; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm Văn Q 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt giữ là 03 (ba) ngày, quy đổi 01 (một) ngày tạm giữ, tạm giam thành 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ là 09 (chín) ngày. Vì vậy, bị cáo Phạm Văn Q còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Phạm Văn Q cho Uỷ ban nhân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương Văn B, Phạm Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí Hình sự sơ thẩm.

6. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét

xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
	Phan Thu Hiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Phòng PV06 công an tỉnh BR-VT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thu Hiền